

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Trầm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2025 và Thông báo thời gian xét xử vụ án số 02/2025/TB-TA ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hải O, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố P 1, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Đỗ Cao T, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố P 1, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn bà Lê Thị Hải O trình bày: Nguyên đơn và bị đơn ông Đỗ Cao T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh B (Nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh G) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền 01/2010, ngày 05 tháng 7 năm 2010. Trong quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề trong đời sống gia đình, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy

tình cảm đã phai nhạt, không còn tiếng nói chung nên nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Đỗ Cao T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đỗ Lê Quỳnh A, sinh ngày 08/5/2011 và Đỗ Lê Tú A, sinh ngày 14/6/2015 (hiện đang sống với nguyên đơn). Khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Cao T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hải O giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn ông Đỗ Cao T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Đỗ Lê Quỳnh A, sinh ngày 08/5/2011 và Đỗ Lê Tú A, sinh ngày 14/6/2015 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn bà Lê Thị Hải O trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn ông Đỗ Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Hải O xin ly hôn với bị đơn ông Đỗ Cao T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Hải O và bị đơn ông Đỗ Cao T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh B (Nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh G) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển 01/2010, ngày 05 tháng 7 năm 2010. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không còn ai quan tâm và chăm sóc lẫn nhau nữa. Đối với ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, biết việc bà O xin ly hôn nhưng không tham gia tố tụng để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, chứng tỏ sự bỏ mặc. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Hải O được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Cao T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Đỗ Lê Quỳnh A, sinh ngày 08/5/2011 và Đỗ Lê Tú A, sinh ngày 14/6/2015. Khi ly hôn, nguyên đơn xin nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quỳnh A và cháu Tú A. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai con chung tên Đỗ Lê Quỳnh A, sinh ngày 08/5/2011 và Đỗ Lê Tú A, sinh ngày 14/6/2015 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn bà Lê Thị Hải O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, bị đơn ông Đỗ Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hải O được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Cao T.

Về con chung: Giao hai con chung tên là Đỗ Lê Quỳnh A, sinh ngày 08/5/2011 và Đỗ Lê Tú A, sinh ngày 14/6/2015 (hiện đang ở với nguyên đơn)

cho nguyên đơn bà Lê Thị Hải O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Bị đơn ông Đỗ Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn bà Lê Thị Hải O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005757 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắc Lắc).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắc Lắc;
- VKSND khu vực 11 – Đắc Lắc;
- THADS tỉnh Đắc Lắc;
- UBND xã A, tỉnh G (Số 18/2010 ngày 05/7/2010);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Nhật